Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8527.91.10

Mã HS	8527.91.10
Mô tả hàng hóa	Thiết bị thu dùng cho phát thanh sóng vô tuyến, có hoặc không kết hợp với thiết bị ghi hoặc tái tạo âm thanh hoặc với đồng hồ, trong cùng một khối / - Loại khác: / - - Kết hợp với thiết bị ghi hoặc tái tạo âm thanh: / - - - Loại xách tay
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	16/11/2026 17:40:55
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/85279110/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	45	45%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15627
Thuế NK ưu đãi (MFN)	30	30%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15627
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15627
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-ID)	0% (trừ ID)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục D)	16,4	16,4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	21	21%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	26	26%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	30	30%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	30	30%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E14954
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14886
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14886
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14886
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14886
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14886
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14886
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	30	AJ!E14940
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	30	AJ!F14940
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	30	AJ!G14940

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	30	AJ!H14940
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	30	AJ!I14940
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	30	AJ!J14940
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	30	VJ!E14941
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	30	VJ!F14941
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	30	VJ!G14941
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	30	VJ!H14941
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	30	VJ!I14941
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	30	VJ!J14941
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AK!F14944
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14892
AIFTA	30/12/2022	2022	27.5	AI!F14900
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	27	AI!G14900
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	26.5	AI!H14900
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	26	AI!I14900
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	26	AI!J14900
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	26	AI!K14900
VKFTA	2022	2022	5	VK!E14940
VKFTA	2023	2023	5	VK!F14940
VKFTA	2024	2024	5	VK!G14940
VKFTA	2025	2025	5	VK!H14940
VKFTA	2026	2026	5	VK!I14940
VKFTA	2027	2027	5	VK!J14940
VCFTA	2022	2022	6	VC!D14995
VCFTA	2023	2023	3	VC!E14995
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14995

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14995
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14995
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14995
VN-EAEU	2022	2022	8,2	EAV!D14974
VN-EAEU	2023	2023	5,5	EAV!E14974
VN-EAEU	2024	2024	2,7	EAV!F14974
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G14974
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H14974
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I14974
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D14972
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E14972
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F14972
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G14972
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H14972
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I14972
EVFTA	2022	2022	15	EV-NK!D14978
EVFTA	2023	2023	10	EV-NK!E14978
EVFTA	2024	2024	5	EV-NK!F14978
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14978
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14978
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14978
UKVFTA	2022	2022	15	UKV!D14977
UKVFTA	2023	2023	10	UKV!E14977
UKVFTA	2024	2024	5	UKV!F14977
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14977
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14977

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14977
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14970
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14970
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14970
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14970
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14970
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14970
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14970
RCEP A	2022	2022	27	RCEPT-A!D14965
RCEP A	2023	2023	24	RCEPT-A!E14965
RCEP A	2024	2024	21	RCEPT-A!F14965
RCEP A	2025	2025	18	RCEPT-A!G14965
RCEP A	2026	2026	15	RCEPT-A!H14965
RCEP A	2027	2027	12	RCEPT-A!I14965
RCEP B	2022	2022	27	B!D14965
RCEP B	2023	2023	24	B!E14965
RCEP B	2024	2024	21	B!F14965
RCEP B	2025	2025	18	B!G14965
RCEP B	2026	2026	15	B!H14965
RCEP B	2027	2027	12	B!I14965
RCEP C	2022	2022	27	C!D14965
RCEP C	2023	2023	24	C!E14965
RCEP C	2024	2024	21	C!F14965
RCEP C	2025	2025	18	C!G14965
RCEP C	2026	2026	15	C!H14965
RCEP C	2027	2027	12	C!I14965

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	27,3	D!D14964
RCEP D	2023	2023	24,5	D!E14964
RCEP D	2024	2024	21,8	D!F14964
RCEP D	2025	2025	19,1	D!G14964
RCEP D	2026	2026	16,4	D!H14964
RCEP D	2027	2027	13,6	D!I14964
RCEP E	2022	2022	27	E!D14968
RCEP E	2023	2023	24	E!E14968
RCEP E	2024	2024	21	E!F14968
RCEP E	2025	2025	18	E!G14968
RCEP E	2026	2026	15	E!H14968
RCEP E	2027	2027	12	E!I14968
RCEP F	2022	2022	27	F!D14965
RCEP F	2023	2023	24	F!E14965
RCEP F	2024	2024	21	F!F14965
RCEP F	2025	2025	18	F!G14965
RCEP F	2026	2026	15	F!H14965
RCEP F	2027	2027	12	F!I14965
VIFTA	2024	2024	27	VI!F13941
VIFTA	2025	2025	24	VI!G13941
VIFTA	2026	2026	21	VI!H13941
VIFTA	2027	2027	18	VI!I13941

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: SP CNTT ĐQSD cấm NK (11/2018/TT-BTTTT)		11/2018/TT-BTTTT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	AJCEP 30%, VJEPA 30%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (30%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 30%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8527.91 có 2 dòng thuế; dòng 8527.91.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại xách tay.	8527.91.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8527.91.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 30% của mã 8527.91.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15627), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng

Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)
HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)
SP CNTT ĐQSD cấm NK (11/2018/TT-BTTTT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.